

**Bài 36 om ôm ơm****I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *om, ôm, ơm*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *om, ôm, ơm*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *om, ôm, ơm*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *om, ôm, ơm*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *om, ôm, ơm* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói lời xin lỗi.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết nhân vật bạn Hà, bạn Nam qua trang phục, đầu tóc) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ: “Hương cốm”, “Giò cam của Hà” và tranh minh hoạ “Xin lỗi”.
- Cảm nhận được tình cảm của gia đình, vẻ đẹp của đất nước.

**II CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo và cách viết các vần *om, ôm, ơm*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- **Cốm:** Món ăn chế từ lúa nếp non rang chín, giã sạch vỏ, có màu xanh, vị ngọt thơm. Nói tới mùa thu Hà Nội là nói tới cốm làng Vòng, cốm Mễ Trì. Không chỉ riêng Hà Nội, cốm có mặt ở nhiều vùng trên đất nước. Người Tày ở Yên Bái có lễ hội giã cốm mang tên Tâm Khẩu Mau. Lễ hội tổ chức tổ chức vào khoảng tháng 9, tháng 10 âm lịch. Dân tộc Mường có lễ hội giã cốm gõ máng, tổ chức vào mùa xuân. Dân tộc Thái ở Lai Châu có lễ hội cốm mang tên Kín Lầu Khẩu Mẩu được tổ chức vào rằm tháng 9 (âm lịch).

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC****TIẾT 1****1. Khởi động**

- Hoạt động khởi động đầu tuần.
- Ổn định lớp để bắt đầu bài mới.

## 2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: *Em thấy gì trong tranh?* Sau đó GV yêu cầu HS nói về trải nghiệm của bản thân với cốm (*Cốm thường có vào mùa nào trong năm? Cốm làm từ hạt gì? Em ăn cốm bao giờ chưa?...*). Một số (2 – 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Hương cốm/ thơm/ thôn xóm.*
- GV giới thiệu vần mới *om, ôm, ơm*. Viết tên bài lên bảng.

## 3. Đọc

### a. Đọc vần

- So sánh các vần
  - + GV giới thiệu vần *om, ôm, ơm*.
  - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ôm, ơm* với *om* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần.
  - + GV đánh vần mẫu các vần *om, ôm, ơm*.
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành *om*.
  - + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôm*.
  - + HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơm*.
- Lớp đọc đồng thanh *om, ôm, ơm* một số lần.

### b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *xóm*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *xóm*.
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *xóm* (*xở - om - xóm - sắc - xóm*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *xóm*.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *xóm*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *xóm*.

- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *om*, *ôm* hoặc *ôm*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

#### c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *đom đóm*, *chó đốm*, *mâm cơm*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chó đốm*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *chó đốm* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ôm* trong *chó đốm*, phân tích và đánh vần tiếng *đốm*, đọc trơn từ ngữ *chó đốm*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *đom đóm*, *mâm cơm*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

#### d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

### 4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *om*, *ôm*, *ôm*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *om*, *ôm*, *ôm*.
- HS viết vào bảng con: *om*, *ôm*, *ôm* và *đóm*, *đóm*, *cơm*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết của HS.

## TIẾT 2

### 5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1*, tập một các vần *om*, *ôm*, *ôm*; từ ngữ, *chó đốm*, *mâm cơm*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

### 6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm tiếng có các vần *om*, *ôm*, *ôm*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng

(với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *om, ôm, ơm* trong đoạn văn một số lần.

- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn: *Cô Mơ cho Hà cái gì? Theo em, tại sao mẹ khen Hà* (Vì Hà là cô bé hiếu thảo, biết yêu thương bố mẹ)?
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

### 7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Tranh vẽ cảnh ở đâu? Em nhìn thấy những gì trong tranh? Điều gì xảy ra khi quả bóng rơi vào bàn? Hãy thử hình dung tâm trạng của Nam khi gây ra sự việc. Em hãy đoán xem mẹ Nam sẽ nói gì ngay khi nhìn thấy sự việc? Nam sẽ nói gì với mẹ? Theo em, Nam nên làm gì sau khi xin lỗi mẹ?* (Gợi ý: lau khô bàn, sà nhà...)
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên.
- GV có thể mở rộng giúp HS có ý thức vui chơi (đá bóng, nhảy dây, đá cầu...) ở những nơi phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến người khác hoặc gây nguy hiểm cho bản thân.

### 8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *om, ôm, ơm* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *om, ôm, ơm* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.